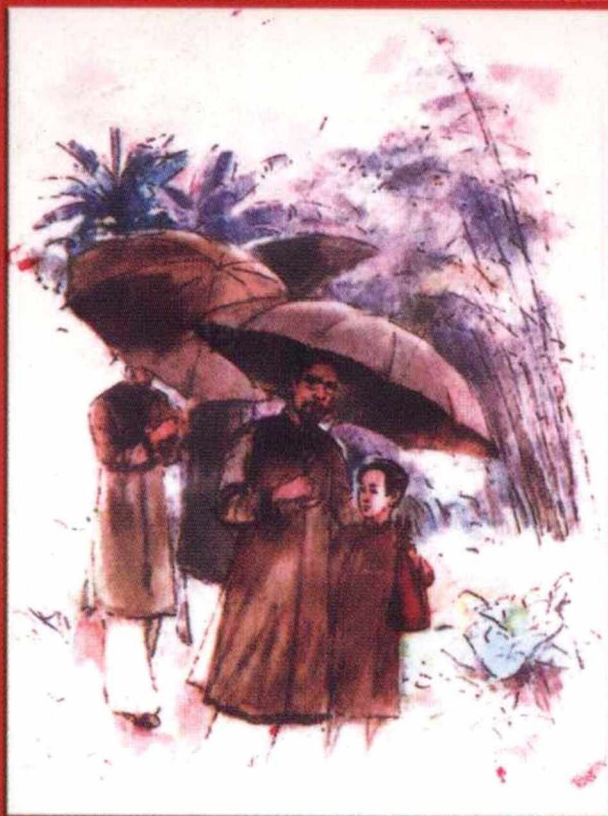


100 BẢNG  
MẸ CỘNG HÒA



CHU TRỌNG HUYỀN



# BÁC HỒ

THỜI HỌC TRÒ  
THÔNG MINH



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA



# BÁC HỒ

Thời học trò thông minh



CHU TRỌNG HUYỀN

# **BÁC HỒ**

## **Thời học trò Thông minh**

(Tái bản lần thứ 2)

---

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA  
HUẾ - 2008



## THAY LỜI NÓI ĐẦU

Tác giả Trần Dân Tiên viết sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* bằng cách ghi chép lời kể của các vị đương thời đã từng được tiếp xúc với Người. Đến một lúc tưởng như mất hết manh mối về các chuyện kể, nhà viết sách kỳ diệu này đã nhắc lại câu châm ngôn của Trung Quốc: *Một nhà họa sĩ giỏi, không bao giờ vẽ nguyên cả một con rồng mà vẽ con rồng khi ẩn, khi hiện giữa những đám mây*. Sau đó Trần Dân Tiên viết tiếp: “Chúng tôi không phải là những họa sĩ có tài. Chúng tôi không vẽ những đám mây trong tiểu sử của Hồ Chủ tịch nhưng đến đây thì chúng tôi phải thú thật rằng mình đã mất mỗi câu chuyện”. Song, rồi bằng sự kiên trì theo đuổi công việc với một phương pháp tìm hiểu và ghi chép tốt nên Trần Dân Tiên đã có thêm được nhiều người để chấp nối lời kể và hoàn thành được tác phẩm mà lưu lại cho đời sau.

Nói tới đây ta nhớ lại lời Khổng Tử được chép trong sách *Luận ngữ*: *Ngô kim kiến Lão Tử kỳ do long*

吾今見老子其猶竜 . Có nghĩa rằng: “Nay ta gặp Lão Tử, thấy ông như con rồng”. Rồi cụ nói tiếp: Chim ta biết nó bay như thế nào; cá ta biết nó lội ra làm sao;

thú ta biết nó chạy cách nào. Thú chạy thì ta có lưới bắt; cá lội thì ta có dây câu nó; chim nó bay thì ta có bẫy gài nó. Chứ con rồng thì ta không biết nó theo mây, theo gió mà bay liệng như thế nào!

Nay ghi chép đôi điều về chuyện Cậu Cung đi học, với tên sách là *Bác Hồ, người học trò thông minh* để dâng lên ngày giỗ của Người, chúng tôi cũng bị mất mối ở rất nhiều chặng, tuy bản thân không có tham vọng và sự thật là không đủ khả năng để vẽ một con rồng. Chúng tôi chỉ muốn ghi lại những dấu xưa, chuyện đã một thế kỷ cách đây, hy vọng hình dung lại ít nhiều những tia sáng bình minh trong lành của một cuộc đời cao cả, mong góp vài ba đường nét, chút ít phẩm màu cho việc phác họa chân dung bậc Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn Việt Nam, người bạn thân thiết không bao giờ phai mờ trong tâm trí của nhân loại.

Nói như vậy là mong bạn đọc hiểu được phần nào những khó khăn của công việc mà lượng thứ và bổ sung cho những khiếm khuyết của chúng tôi trong tập sách mỏng này.

Ngày 2 tháng 9 năm 2005

**CHU TRỌNG HUYẾN**

Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người mà nhân dân trù mến tôn xưng bằng hai tiếng Bác Hồ, hồi nhỏ được gọi là cậu Nguyễn Sinh Cung. Cậu là con thứ ba của ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan, quê ở làng Kim Liên tức làng Sen, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cậu có chị cả là Nguyễn Thị Thanh và anh trai là Nguyễn Sinh Khiêm.

Khi Nguyễn Sinh Cung tròn năm tuổi thì cậu đòi học chữ và thầy giáo lúc đó chính là người mẹ của cậu, bà Hoàng Thị Loan.

Bà là con gái đầu lòng của cụ Hoàng Đường, một bậc danh nho ở thôn Hoàng Trù tức làng Chùa, cũng thuộc tổng Lâm Thịnh. Bà không được làm dâu vì ông bà nội của Cung đã mất khi bố cậu còn nhỏ.

Cung chỉ biết bà nội của mình là cụ Hà Thị Hy người làng Mậu Tài, có nhan sắc, giỏi múa hát nhưng khi đã hơi luống tuổi mới lấy chồng và chỉ sinh được bố là người con duy nhất và cụ đã ra đi mãi mãi khi bố của cậu mới lên bốn. Bà Loan còn nói thêm với các



việc đó. Còn thông thường, ở lứa tuổi vừa mới phóng học thì chữ *Nhất* chỉ cần viết đơn mà thôi.

Cậu Cung hỏi tiếp:

- Thưa mẹ, chữ *Nhất* là “một”, viết một nét. Vậy chữ *Nhị* mấy nét và cả chữ *Tam* nữa, chúng được viết như thế nào?

Bà Loan lại đưa bút lên trang vở của con, vừa viết vừa nói :

- Chữ *Nhị*  $\equiv$  hai nét, chữ *Tam*  $\equiv$  ba nét.

Cậu Cung trở mặt cười :

- Hay quá nhỉ! Vậy, thưa mẹ, có phải chữ *Tứ* gồm bốn nét?

Bà Loan nhìn con. Bà cười và nói nhẹ nhàng:

- Ô chà, nếu ở các chữ nói về số đếm, cứ tăng vào một đơn vị lại vạch thêm một nét thì đến các chữ thuộc hàng trăm, hàng ngàn, ta biết viết như thế nào cho xuể!

Cung nhận ra câu hỏi của mình là vô lý nên cười một cách e thẹn. Bà mẹ động viên con trai:

- Cách đặt chữ cộng thêm nét thì chỉ dành cho ba chữ là: *Nhất*, *Nhị*, *Tam*. Còn sau đó là phá lệ con ạ. Nhưng tất cả đều có quy cách của nó. Không vội, cứ chăm học rồi con sẽ hiểu. Chữ của Thánh Hiền là loại

chữ tượng hình được sắp xếp theo từng bộ. Ví như về thảo mộc thì đại thể, loại cây thân cỏ là thuộc bộ *Thảo*<sup>++</sup> ( 艸 ), cây thân gỗ thì thuộc bộ *Mộc* 木, còn chim chóc, phần nhiều là thuộc bộ *Điểu* 鳥 ... Với cách sắp đặt đó, ngôn từ sẽ có sự phân biệt lý thú và người học mới dễ hiểu, dễ nhớ. Như chữ *Tứ* 四 là “bốn” thì biểu thị một cái khung có bốn góc, bên trong có hai nét gần đối nhau với sự ngậm chỉ: hai lần hai là bốn.

Cung lại hỏi :

- Thế có mấy chữ *Tứ* thừa mẹ? .

Bà Loan trả lời:

- Theo như mẹ biết thì có những chín chữ *Tứ* kia!

- Chắc mỗi chữ là một nghĩa?

- Ít nhất là như thế!

- Thật là lắm chữ và nhiều nghĩa mẹ nhỉ!

- Nói đến chữ nghĩa, học hành thì nó khó như vậy đấy con! Cho nên, ai cũng thế, phải cố công học thì mới hiểu biết được nhiều.

Hôm sau, mẹ dạy Cung hai chữ *Minh*. *Minh* 明 là “sáng sủa” và *Minh* 暝 là “tối tăm” . Mẹ giảng nghĩa xong, Cung nói :

- Ô, nghe cùng một tiếng mà chúng lại mang nghĩa trái ngược nhau, hay thật.

- Bà mẹ vui trong bụng rồi mỉm cười vì thấy con mình đã bắt đầu biết suy xét. Hôm sau bà dạy thêm cho Cung hai chữ *Minh* nữa. *Minh* 鳴 là “kêu” và *Minh* 盟 là “thề”.

Cung viết trâm được các chữ đó rồi hỏi mẹ:

- Dạ, có bao nhiêu chữ *Minh* tất cả?

- Theo như mẹ hiểu thì phải đến ngót mười chữ *Minh* nữa con ạ!

- Và mỗi chữ, tùy theo cách viết của nó, lại có một nghĩa riêng?

- Phải lắm. Đó là những chữ thông thường. Ngoài ra còn có nhiều chữ khó. Chúng mang các nghĩa sâu kín khác, thật không dễ dàng mà biết được cho tường tận.

- Thế sao mẹ không học cho hết tất cả mọi chữ ?

- Ô, con phải dành câu đó để hỏi các ông Bảng nhãn, Trạng nguyên. Vì chữ nghĩa, kinh truyện là rừng Nho, bể Thánh. Ông ngoại chỉ bày được cho mẹ ít nhiều vào những lúc nhàn rỗi. Và nay, khi bố đang bận mà mẹ có chút thời gian thì bày trước như thế này để con bắt đầu làm quen với việc học, chứ vốn liếng về chữ nghĩa của mẹ thì ít ỏi lắm. Trước rừng Nho, bể Thánh ấy mẹ chỉ như là con chim rất nhỏ, lấp ló ở nơi cửa ngán và chân sóng mà thôi.

Bà Hoàng Thị Loan không chỉ dạy các con mình về chữ nghĩa của Thánh Hiền mà còn luôn luôn là tấm gương về lòng tự tin và đức khiêm nhường.

Nhớ hồi còn là nhi nữ, bé Loan xin cha dạy cho mình học. Cụ Đường lấy làm lạ, nhìn con rồi hỏi ý kiến của cụ bà là Nguyễn Thị Kép. Cụ Kép nghĩ Loan là gái, cứ học lỏm, học mót được chữ nào hay chữ ấy chứ đóng sách, đóng vở rồi đường đường, chính chính ngồi nghe giảng và viết lách như số học trò là bọn con trai thì người ta sẽ cười cho. Nhưng vì cụ bà đã hiểu được phần nào về sự suy tính của chồng nên ngầm nghĩ thêm rồi nói: “Việc đó xin tùy ở mình và ở con”. Cụ Đường coi đó là một điểm trong chỗ dựa về mặt tinh thần nhưng vẫn không khỏi phân vân. Song rồi cụ nghĩ, đã đến lúc với việc của riêng nhà mình thì có thể phá lệ chứ không phải nhất nhất y theo như tục lệ xưa cũ. Cụ ngầm lại, mình đã dạy dỗ biết bao lớp học trò, có người đã thành đạt, mà nay từ chối việc bày bảo cho con khi nó đang sống trong vòng tay của cha mẹ thì thật là không phải. Thế rồi, mỗi đêm khi đã về khuya, ở gian nhà trong vẫn sáng một ngọn đèn dầu hạt và bé Loan cứ cần mẫn ngồi nghe và ghi chép những lời giảng nhỏ nhẹ của bố. Chẳng tỏ ra ngáp ngừng lạ lẫm, Loan học mau thuộc và viết chữ đẹp. Cụ Đường thấy ít có những

học trò sáng dạ và dẻo tay như con gái mình. Việc ấy diễn ra thật âm thầm nhưng rồi người ngoài vẫn biết. Ông bác họ sang nhà bảo:

- Là đàn ông mà có kẻ bỏ ra hàng chục năm, chà nát biết bao cái đũng quần trên ghế nhà trường nhưng rồi chẳng đỗ đạt, nên đã không vượt nổi những khó khăn ở đời. Trở về cày cuốc, họ cũng chẳng kiếm đủ miếng ăn, hưởng chi là con gái, đàn bà! Cho nó biết thêm dăm bảy cái chữ, không khéo bọn con trai chúng sợ gái khôn hơn chồng rồi chẳng đứa nào dám đến nhà cũng nên. Chi bằng chú mợ cứ dạy bảo cháu cách cầm đánh mạ cho hẳn, dệt vuông vải cho trơn là hay hơn cả.

Sợ mất lòng họ đương, cụ Đường lại đem chuyện đó ra bàn với vợ và con gái. Loan điềm nhiên thưa:

- Có học được hay không là cốt tự ở bản thân con. Ngày nào bố chẳng giảng bài cho các anh học trò. Con cứ nghe đi, nghe lại tập viết lần này, lần khác rồi không ít thì nhiều con cũng đã biết được phần nào nữa là. Các bác, các chú làm sao mà cấm nổi con trong việc học.

Nghe con nói như vậy, cụ Đường nỡ nào mà lại không tiếp tục giúp Loan.

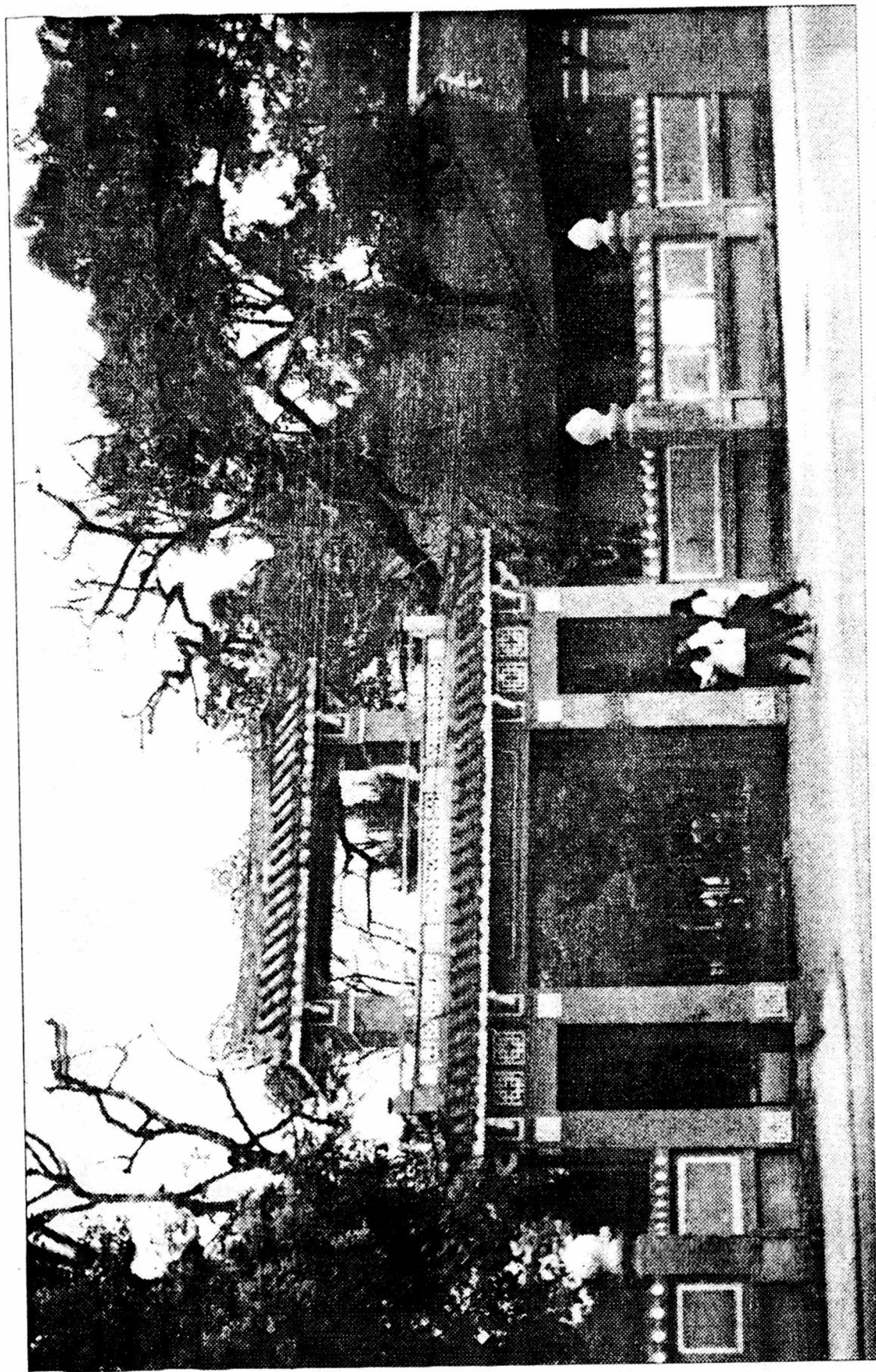
Tuy nhiên, lớp học đặc biệt đó chẳng duy trì được lâu vì tuổi nhi nữ trong thời con gái của một đời người cũng ngắn lắm. May mà thuở đó, bà Loan là người vừa

có thiên tư lại đủ nghị lực và bản lĩnh nên đã phân nào thực hiện được điều ham thích chính đáng của mình, để anh chị em cậu Cung có được một người mẹ giàu có cả về trí tuệ lẫn tâm hồn.

Sau khi ông Sắc đỗ Cử nhân, theo bà con trong xã yêu cầu, ông tạm nhận công việc dạy học một thời gian. Lớp học đặt tại nhà ông Hương Nhân ở làng Sen. Cậu Cung và vài ba người bạn, cứ thỉnh thoảng đến gần nơi ấy để chơi.

Một bận ông Sắc ra câu đối cho học trò. Với loại bài tập này, các em nhỏ chỉ phải đáp lại bằng những câu rất ngắn thường là ba chữ, cốt sao cho đúng luật bằng trắc và là câu có nghĩa. Ông Sắc ra: *Thanh bạch nhãn* 清白眼 . Nghĩa là : “Mắt vừa trắng, vừa xanh”. Câu đó lấy trong tích chuyện thời nhà Tấn ở bên nước Trung Hoa thuở xưa.

Chuyện kể rằng, buổi ấy có ông Nguyễn Tịch học rộng và sống cao khiết, ngạo đời. Ông có tài làm cho màu sắc của đôi mắt mình dễ dàng thay đổi. Khi tiếp kiến người hiền thì mắt ông giữ nguyên màu xanh. Còn lúc gặp người hư lậu thì cặp mắt đỏ lại ngả ra màu trắng. Rồi thế gian lấy ba chữ *Thanh bạch nhãn* để chỉ về ông.



*Trường Quốc học Huế nơi Nguyễn Tất Thành học từ tháng 9-1907 đến tháng 5-1908.*



Bấy giờ trước đề ra của thầy, bọn học trò ai cũng lo nghĩ để tìm câu đáp. Không khí lớp học im phăng phắc. Cung nhìn vào thấy một anh học sinh vì đau mắt nên bịt lên trán tấm khăn màu đỏ thì liền đọc to: *Hồng hắc đầu* 紅黑頭 tức mái đầu vừa đen, vừa đỏ. Ông Sắc liền hướng ra ngoài và gặp ngay cái nhìn của cậu. Ông nghiêm nghị, ngăm trách con nhưng rồi cũng mỉm một nụ cười vì thêm một lần nữa, ông nhận ra là con trai của mình sớm có tài ứng đối.

Khi tan trường, anh Phong là học trò lớn tuổi trong lớp bước mau lên cho kịp mà nói với Cung: “Cậu giỏi thật, chưa đến tuổi học mà đã có sức nghĩ và dám cả gan đáp lại chữ nghĩa của Thánh Hiền”. Cung chỉ hơi e lệ rồi mỉm một nụ cười thật hồn nhiên.

Lại một buổi chiều mùa Hạ, cậu Cung cùng bố đứng trên bờ sông Lam. Nhìn dòng nước tuôn chảy về xuôi, người cha đọc: *Lam Thủy thủy viễn* 藍水水遠. Tức là: “Nước sông Lam mãi chảy về xa”. Người con đưa mắt hướng lên phía Tây, đoạn quay lại: “Thưa cha: *Trường Sơn sơn cao* 長山山高”. Có nghĩa là “Núi Trường Sơn có nhiều ngọn cao”.

Đó là khi Nguyễn Sinh Cung đã lên sáu, tính theo tuổi ta. Non ấy, nước ấy ở quê nhà, cậu đã biết được phần nào qua lời ru của mẹ:

*Núi Trường Sơn muôn đời thăm thẳm,  
Sông Lam Thủy vạn thuở trong ngần,  
Làm người cốt trọn nghĩa, nhân...*

Cũng vừa lúc, ông Sắc nghĩ ra, câu trả lời của con trai mình vốn bắt nguồn tự đó.

Tuy đã đỗ Cử nhân nhưng Nguyễn Sinh Sắc vẫn là một học trò nghèo vì ông còn phải dùi mài để lại thi Hội. Cuộc đối đáp giữa ông với người con trai nhỏ diễn ra trên đường đi khi ông dẫn cậu đến chơi nhà một người bạn. Ông Sắc cho bé Cung đi theo như thế để cậu biết thêm chút ít về cảnh trí của quê hương trước khi họ cùng đi vào Huế. Ông lại vào đó để theo học ở Trường Quốc tử giám. Bà Loan phải đưa hai người con trai vào Kinh để mình vẫn được trực tiếp giúp chồng ăn học.

Ông Sắc rất cảm phục vợ vì việc đó là sự nỗ lực vượt quá mức bình thường của một người phụ nữ lâu nay chưa hề xa đồng quê, xóm mạc. Còn Nguyễn Sinh Cung thì cậu đã có được một dịp may quá sớm, là sự chấp cánh tuyệt vời cho tuổi thơ của mình. Trong cuộc sống, Ông Sắc chủ trương nếu được giàu sang thì không náo nức mà gặp nghèo khó cũng chẳng nản lòng. Với lớp trẻ, ông mong họ học hỏi được nhiều điều từ trong

sinh hoạt hàng ngày nên với người con trai nhỏ, ông cố ý giúp cậu về cách tưởng tượng và suy xét. Thế là Cung tạm xa làng Chùa, xa phòng đọc sách của bố và lớp học xưa của ông ngoại.

Trên đường vào Kinh, cậu nhận ra là mình được gặp lại sông Lam ở chặng hạ lưu của nó rồi bước đi dưới chân núi Hồng. Cảnh trí giúp cậu phân biệt rõ hơn hai chữ *Sơn* 山 và *Hà* 河. Cũng từ đó cậu nhận ra: *hà* 河 với *giang* 江 và *xuyên* 川 đều chỉ sông, là những chữ dị âm mà đồng nghĩa, cũng như biết phân biệt giữa chúng với *khê* 溪 là “khe”, *tuyền* 泉 là “suối”, *câu* 溝 là “hào”, *hác* 壑 là “rãnh” và *tiểu câu* 小溝 là “ngòi, lạch. Đi nữa, trèo lên Đèo Ngang thì nhìn thấy biển và biết bể là nghĩa của chữ *hải* 海 và thế nào là *dại hải* 大海 để rồi sẽ hình dung ra *dại dương* 大洋. Đất Quảng Bình có lai lịch từ xứ Tân Bình. Cậu Cung muốn biết tại sao nơi này lại có tên đất như vậy nhưng chưa kịp hỏi thì đã đến sông Gianh. Khi lên đò, cậu hỏi về dòng nước mà mình đang vượt qua và được bố cho biết tên chữ của nó là Linh Giang 靈江 một con sông rộng vào bậc nhất của miền Trung. Các sách Quốc ngữ và chữ Pháp thì chép là sông Giang, sau được gọi biến âm thành sông Gianh.

- Còn Huế, nơi ta sẽ vào thì sao ? – Người con hỏi và ông bố trả lời:

- Huế, đó là tên gọi biến âm của chữ *Hóa* trong châu Thuận Hóa.

Rồi không chỉ *hà, sơn, hải, đại dương*, mà cả *Tân Bình* 新平, *Thuận Hóa* 顺化 các chữ đó được viết như thế nào, lần lượt, ông Sắc đều cho các con biết và đối với Nguyễn Sinh Cung thì chỉ nghe và nhìn một lần là cậu nhớ được mãi.

\*

\* \*

Thế là khi tuổi mới lên sáu, cậu Cung đã được đến với kinh kỳ miền đất văn hiến của Tổ quốc. Sông Hương là cả một nguồn thơ. Còn Hoàng Thành, đấy là nơi quy tụ một phần của tinh hoa văn học, nghệ thuật. Biết bao cung điện huy hoàng, lăng tẩm thâm nghiêm, nơi đó được đắp nặn và điêu khắc hình tượng của nhiều thảo mộc, cầm thú. Có hai loại phổ biến nhất mà khi hỏi ra thì biết đó là rồng và phượng.

Đợi về đến nhà, cậu Cung hỏi :

- Mẹ ơi, mẹ đã gặp rồng và phượng bao giờ chưa?

Bà Loan đáp:

- Rồng và phượng là những con vật người ta vẽ ra hay đắp lên để thờ tự, chứ hầu như chưa có ai được nhìn thấy chúng trong đời thường.

Cậu lại hỏi:

- Tại sao rồng cứ quần trong những đám mây và phượng thì ngậm cành hoa?

- Con rồng người Trung Hoa gọi nó là *Long* 龍. Còn phượng 鳳 thì tên con chim ấy trùng với âm Hán, tiếng trong này gọi là Phụng. Theo truyền thuyết thì rồng là con vật hay phun mưa nên nó ẩn trong mây còn phượng thì luôn luôn múa nên nó được cài thêm bông hoa cho đẹp. Dân gian có đôi câu đối : *Kỳ họa long, long phun thủy, kỳ động long phi ; Hải chúc phượng, phượng hàm hoa, hải hành phượng vũ* 旗画龍, 龍噴水, 旗動龍飛; 鞋織鳳, 鳳含花, 鞋行鳳舞 . Nghĩa là “Lá cờ vẽ con rồng rồng phun nước, khi cờ phất thì rồng bay; Đôi giày thêu chim phượng, phượng ngậm hoa, lúc giày đi thì phượng múa”. Bởi các chức năng đó mà chúng thường được trang trí ở các đền đài, cung điện. Kỳ thực, đó là những con vật chỉ có trong tưởng tượng chứ chúng không sống ở ngoài đời.

- Thế thì nhờ mẹ bày cho con viết các chữ *Long* 龍 và *Phượng* 鳳 đi!

Bà mẹ vừa đưa bút vừa nói :

- Đây là những chữ nhiều nét và khó viết. Con phải nhìn cho kỹ và tập dần dần.

Sau khi nhìn bàn tay nhẹ nhàng đưa bút của mẹ rồi lại nhìn vào các chữ mới được viết ra để làm mẫu cho mình, Cung ngồi hí hoáy tập chép và cuối cùng cậu đã viết không chỉ là đúng mà còn có phần đẹp đối với cả hai chữ *Long* và *Phượng*. Cậu vội cầm cuốn vở tập viết xuống bếp khoe với mẹ. Mẹ xoa đầu con trai mà khen:

- Khá lắm, cứ chịu khó mỗi ngày một ít như thế này thì con của mẹ sẽ mau khá lên trong việc học.

Một bạn được dẫn đi xem thành quách và các lầu điện, Cung thấy trên một khoảng sân rộng có đặt nhiều đỉnh đồng rất lớn. Trên thành của một chiếc đỉnh như vậy có chạm bức tranh *Hồng Sơn - Lam Thủy* với hàng chữ khắc rất đẹp, Cung mừng lắm. Vì luôn có ý thức học hỏi nên cậu muốn mau làm quen với chữ nghĩa ở đây nên liền ngả bàn tay trái làm giấy và đưa ngón trỏ của bàn tay kia làm bút. Nhưng không thể nào mà tập vẽ cho xuể vì người ta bảo, từ các câu ghi trên từng

tắm biển, từng cây cột có không biết cơ man nào là những lời đẹp, ý hay. Và kia kìa, liên tiếp đâu đâu cũng nổi lên những dòng chữ Hán sơn son thếp vàng để thuyết minh cho các cảnh quan kỳ thú của nhiều miền đất nước đã được thu gọn lại nơi đây. Riêng lời đề cảnh núi Hồng sông Lam ấy cũng có nhiều chữ rậm nét mà cậu chưa học đến. Cậu tự nhủ, vào đây lại càng tự thấy mình còn là một người học trò rất nhỏ. Không kể sự ẩn chứa bên trong, riêng phần trưng bày ở mặt ngoài, Kinh thành Huế cũng đã là một trung tâm văn hiến của Việt Nam và có lẽ nó chỉ thua Thăng Long. Từ buổi đó bé Cung đã được tiếp xúc với một thế giới rực rỡ vàng son, mà phần khiến cậu chú ý nhiều nhất là những cảnh vật tiêu biểu của trăm miền kèm theo những phụ đề đặc tả súc tích. Huế cổ kính và hàm ẩn nhiều tri thức uyên bác là vậy nhưng cậu Cung không vì thế mà bị choáng ngợp bởi như bố mẹ của cậu đã bảo, chẳng có cái gì là quá khó, cứ cố công mà học thì dần dần sẽ biết.

Cậu Nguyễn Sinh Cung đến với chữ nghĩa một cách rất tự nhiên, thoải mái với ý thức tự tìm hiểu, có điều kiện là hỏi cho biết. Sự thật thì cả trong thời gian sống ở Huế lần này (1995-1900), cậu cũng chưa theo học ở một trường lớp cụ thể nào mà chỉ thụ nghiệp theo sự thân giáo, tức là học mót khi được sống với cha mẹ. Về phần ông Nguyễn Sinh Sắc thì ông không muốn tự

mình trực tiếp dạy con theo kiểu lên lớp như đối với các học trò khác. Với chủ trương *Dịch tử nhi giáo* 易子而教 của người xưa, ông hiểu thêm một điểm là, ở trong một nhà thì *Phụ tử chi gian bất trách thiện* 父子之间不责善. Nghĩa là “Giữa cha với con, cách đối xử không cần trách nhau là có khéo hay không khéo”, mà đã là học trò thì lễ nghĩa là tiêu chuẩn phải được đặt lên hàng đầu. Vì với hoàn cảnh mỗi trường học chỉ có một ông thầy duy nhất thuở ấy, nếu mà người cha trực tiếp dạy con thì rất khó thực hiện cho nghiêm ngặt việc truyền thụ kiến thức cũng như cự cần có một thái độ đúng mức trong cách đánh giá về sự tiến bộ của trẻ.

Còn bà Hoàng Thị Loan thì bà tự thấy là cái vốn chữ nghĩa ít ỏi của mình có được đánh thức bởi phải làm thỏa mãn những yêu cầu về học tập của người con trai nhỏ. Và sau này ta biết, bà nói ra như thế là nhằm để gửi lại ở con mình và cả ở nhân thế những nỗi nhớ và niềm thương, vì bà qua đời lúc còn quá trẻ, khi tuổi mới ba mươi hai. Thế là ở trên đời, cậu Cung không còn người mẹ phúc đức và cũng là cô giáo tuyệt vời. Còn với xóm xã và dân phố, ai đã từng đã quen biết về bà thì họ cứ nghĩ sự có mặt của người phụ nữ này ở trần gian quả là một hiện tượng trời phú.

Mẹ mất rồi, bố đưa cậu về quê, sống nương nhờ vào bà ngoại. Đối với cậu Cung, lần đầu từ giã Huế cũng là thời điểm từ giã tuổi ấu thơ. Ông ngoại cũng đã tạ thế khi cậu mới lên ba. Bấy giờ ông Nguyễn Sinh sắc sau khi lo tang chế cho người bạn đời và tạm ổn định được việc nhà thì lại phải vào kinh để chuẩn bị cho kỳ thi Hội sắp tới. Thỉnh thoảng, cậu Cung đi chơi theo các bạn trẻ trong làng. Rồi có một hôm họ kéo nhau vào nhà ông Vương Thúc Độ. Ông cũng đã ngoài bốn mươi tuổi và đang cố học để rồi tiếp tục thi Hương (và ông đã đỗ Cử nhân khoa Bính Ngọ, 1906).

Khi Cung bước vào nhà ông Độ thì trong đó đã có mấy cậu con trai đang bàn chuyện học hành và cùng hỏi nhau là lớn lên thì sẽ làm gì. Họ bàn cãi rất hăng và coi như không ai chịu ai. Cậu Cung chăm chú nghe và tình cờ đưa mắt nhìn lên xà nhà thì gặp hàng chữ : *Thao tâm cần khổ, hảo ái nhân quần* 操心 勤苦, 好爱人群. Dù chỉ mới hiểu được cái ý đại thể của câu văn nhưng cậu cũng mạnh dạn chỉ tay lên đấy mà nói với mọi người rằng, có thể đó là lời đáp cho chúng ta.

Vừa lúc ấy, ông Độ về đến nhà. Cậu Cung nhờ ông giảng cho nghe.

Biết đó là người con trai nhỏ của ông Cử Sắc, ông Độ liền thăm hỏi từ việc chơi đến việc học. Cậu Cung nói rõ là mình đã được bố mẹ bày cho ít nhiều. Ông lại thử sức bằng cách hỏi để biết là cậu đã hiểu như thế nào về mấy chữ viết ở trên xà nhà. Cậu lễ phép hỏi lại:

- Thưa ông, chữ đầu tiên có phải là *Thao* không ạ!

Ông Độ gật đầu cười, có ý khen:

- Phải!

- Vậy *thao tâm* là gì ạ!

Ông Độ giải thích:

- Nghĩa là chịu khó trong lo nghĩ để giữ cho được ý chí. Còn các chữ khác cháu có biết hết không?

- Dạ, từng chữ thì biết nhưng cái khó là toàn ý của câu văn.

Ông Độ gật đầu:

- Thế đấy, phải *thao tâm*, tức nhẫn nại về tâm trí cũng như *cần khổ* là chịu khó về thân xác và thực sự có lòng thương yêu con người thì mới nên thân mình và mong có sự nghiệp.

Cậu Cung hỏi thêm:

- Dạ ông đã dựa vào đâu để viết nên câu văn đó?

- Đấy là điều viết ra để mình tự nhủ mình. À, mà cháu hỏi rất đúng. Ông đã dựa vào ý của một câu nói của cụ Khổng trong sách *Luận ngữ* để chuyển thành ý của mình.

- Ông có thể đọc cho các cháu nghe câu sách đó?  
Cậu Cung hỏi tiếp và được trả lời:

- Nguyên văn của nó là: *Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cần nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực tất hữu học văn.* 弟子入 則 孝, 出 則 悌, 勤 而 信, 泛 愛 衆 而 親 人, 行 有 餘 力 必 有 學 文. Nghĩa là: “Người đi học, vào thì hiếu, ra thì lễ, cần mà tin, biết yêu mến mọi người và thân cận với người có nhân, làm được những điều ấy là coi như đã học văn”.

Cả bọn con trai cùng ngồi chờ đợi. Họ nhận ra cái lý trong sự chăm chú lắng nghe cũng như cách tìm hiểu của cậu Cung và lời giải thích của ông Độ. Như thế là hàng chữ giản dị ghi trên cái xà nhà kia đã không chỉ trả lời giúp mà còn hướng cho các bạn trẻ về cách học cũng như những việc cần làm ở mai sau.

Rồi một buổi ông Độ gặp bà ngoại của cậu là cụ Kép. Ông đem chuyện đó kể cho cụ nghe. Ông khuyên cụ nên cho cậu Cung theo học với thầy Hoàng Phan Quỳnh. Điều đó cũng hợp với ý muốn của cụ Kép. Vì, để đợi ông Sắc trở về, cụ đã tự thấy là mình phải cho bé Cung đi học nhưng chưa biết gửi cháu đến thầy giáo nào. Nay được ông Độ gợi ý, cụ thấy như thế là phải.

\*

\* \*

Ông Hoàng Phan Quỳnh cũng người làng Chùa, đỗ Cử nhân, đã được bổ làm quan nhưng rồi ông từ chức về dạy học. Hồi đó ông mở lớp trong ngôi nhà của người anh vợ là cụ Nguyễn Trọng Vỹ tại làng Hữu Biệt, nay thuộc xã Nam Giang, huyện Nam Đàn.

Hữu Biệt cách Hoàng Trù khá xa mà đường lại khó đi nhưng trong làng Chùa này vẫn có mấy trẻ sang đó học. Bé Cung được nghe các bạn ấy kể về đức độ của người thầy và về cảnh trí ra chiều thú vị trên đường đi nên cũng xin bà ngoại cho mình sang bên đó học. Cụ Kép nhìn thấy ở lũ trẻ một sự vui tin, vì chúng biết thương yêu nhau, đi về có bè, có bạn nên đã nghe lời ông Độ và cũng là chiều theo ý của cháu mình.

Buổi đầu, cụ Kép biện coi trâu, be rượu và tự mình dẫn cậu Cung đi sang lớp học thầy Hoàng Phan Quỳnh để xin cho cháu của mình được nhập môn. Thầy nói:

- Giữa chúng ta là bà con, bác (được xưng bằng bác vì cụ Kép là con dâu họ Hoàng và thuộc nhánh trên so với thầy Cử Quỳnh) cứ bảo cháu sang và nhắn lời cho tôi là được chứ làm như thế này trông lễ nghĩa, xa cách quá.

Cụ Kép đáp:

- Thưa chú, tình họ hàng càng thêm bền chặt khi cháu giữ trọn được cái đạo làm người học trò ở đây. Bố cháu còn lận đận nơi xa xôi, cách trở. Xin chú (nói đến

đó cụ nhìn Cung và đổi sự xưng hô), à xin thầy cho cháu được thụ giáo nơi đây để cháu kiểm thêm dăm ba cái chữ.

Buổi đầu, với lớp tuổi cậu Cung, Thầy Quỳnh bắt đầu cho học bằng cách nghe kể các câu chuyện về những thần đồng ngày trước. Kể đến đâu, với các chữ cần chú ý, thầy viết lên trên giấy cho các trò xem.

Thầy nói: “Trong sách *Ấu học cố sự quỳnh lâm* có câu: *Bạch Cư Dị thủy sinh thất nguyệt năng thức Chi, Vô nhị tự, kỳ mẫu bách thí bất sai* 白居易始生七月

能識之 无二字其母百試不差 ”. Tức: “Bạch Cư Dị khi bảy tháng đã đọc được chữ là *Chi* và *Vô* . Bà mẹ thử đi, thử lại hàng trăm lần mà Bạch không hề nhầm một lần nào”.

Sách *Đường thư* thì chép rằng, Lý Bạch đến bảy tuổi vẫn chưa biết nói nhưng một hôm được bà mẹ bổng lên gác cao thì tự nhiên Lý ngâm mấy câu thơ:

*Nguy lâu cao bách xích  
Thủ khả trích tinh thần.  
Bất cảm cao thanh ngữ,  
Khủng kinh thiên địa nhân.*

巍楼高百尺

手可摘星辰

不敢高声语

恐惊天地人

(Lầu cao chót vót hàng trăm thước,  
Giơ tay là có thể hái được những vì sao buổi sớm.  
Nhưng không dám cao giọng nói,  
Sợ làm kinh động những người ở trên trời).

Cũng từ đó, Lý Bạch khi sống cũng như sau khi đã tạ thế, cuộc đời của ông có rất nhiều giai thoại.

Sách *Ấu học cổ sự quỳnh lâm* còn chép chuyện Lý Hạ. Cũng mới bảy tuổi cậu bé này đã biết làm thơ. Tiếng đồn vang khắp kinh đô. Hàn Dũ và Hoàng Phủ Thục đã cùng nhau đi ngựa đến tận nhà xin gặp. Hai khách thơ nổi tiếng này đã ra đề thơ để thử tài. Chỉ một lúc sau, cậu bé họ Lý người hoàng tộc tên Hạ ấy đã làm xong bài trường thiên theo thể Hàn tháo cao hiên ca.

Thấy học trò thích nghe, thầy Quỳnh kể tiếp:

- Thể thơ nói trên là lấy hiệu của Hàn Ốc, người sống vào cuối thời Đường, khi mới lên mười tuổi thì họ Hàn đã có nhiều thơ hay. Một hôm nhà đông khách, Hàn đi chơi vừa về đến nhà thì mọi người cũng xin cáo lui. Hàn làm ngay một bài thơ tiễn, khiến ai cũng ngạc nhiên. Trong đám khách có Lý Thương Ẩn và Lý Bền làm một bài thơ tặng lại. Ta nhớ trong đó có hai câu:

*Thập tuế tài thi tẩu mã thành,  
Sổ phụng thanh ư lão phụng thanh.*

十岁才 詩走馬成

雛鳳聲於老鳳 聲

(Mới mười tuổi mà tài làm xong một bài thơ nhanh như ngựa chạy,

Con phượng non có tiếng hót vang hơn cả tiếng hót của chim phượng già).

Sách *Đường thư* còn chép chuyện Lý Công Quyền. Cậu bé này năm mười hai tuổi mà bước ba bước đã làm xong một bài thơ. Vua Văn Tông nhà Đường phán rằng: “Tử Kiến (cũng là thần đồng) phải mất bảy bước mới thành thơ. Nay cậu bé này chỉ cần đi ba bước mà đã có thi phẩm. Quả là tài vượt Tử Kiến rất nhiều”.

Đám học trò còn muốn được nghe nhiều nữa nhưng thầy Quỳnh nói:

- Ta nhắc lại vài ba hiện tượng như vậy để các trò thấy ngày xưa có chuyện kể về những người phải nhờ ánh sáng của các con đom đóm cũng như các bông tuyết để soi từng hàng chữ trên các trang sách mà đọc rồi thành tài thì cùng với sự chịu khó được mệnh danh *Như nang huỳnh như ánh tuyết* 如囊螢如映雪 ấy, trong thiên hạ cũng có những thần đồng được phát

tiết từ rất sớm. Các con cứ lo học, lo suy ngẫm thì rồi sẽ có dồi dào về kiến thức. Ta trông mong mai đây, trong đám thiếu niên này cũng có người làm nên sự nghiệp và để lại cho đời những chuyện kể thật đẹp.

Buổi đó, trên bức vách cao ở phía trước lớp học có câu: *Tiên học lễ, hậu học văn* 先学禮 侯学文. Cậu Cung đứng lên, khoanh tay hỏi :

- Dạ thưa thầy, *Lễ* là điều quan trọng như thế nào mà phải học nó trước khi học *Văn*? Con nghĩ đã là học trò thì ai cũng phải có lễ phép.

Thầy gật đầu tự nhủ, cậu này sớm có óc quan sát và suy nghĩ đấy. Quả là cậu muốn hiểu chữ *Lễ* không chỉ ở cái nghĩa thông thường của nó. Nhưng ở tuổi ấy, mình biết giải thích như thế nào cho tiện. Thầy nghĩ, thôi thì phải mượn ý trong sách mà giảng, nếu hiện thời các trò chưa hiểu hết thì ít lâu nữa họ sẽ nhận ra. Rồi thầy trả lời :

- Sách Mạnh Tử có dẫn câu nói của Đức thánh Khổng Tử rằng: *Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ lễ* 君子博学於文约之以礼 . Tức: “Người quân tử học văn để mở rộng kiến thức nhưng để tự kiềm chế mình thì phải học lễ”. Mà ai cũng vậy, muốn nên thân người thì phải biết kiềm chế mình.

Cậu Cung hỏi thêm:

- Dạ, có phải câu văn mà ta nêu lên ở đây nhằm bảo người học trò phải biết làm chủ bản thân để lo chuyện học, trong đó có việc phải giữ lễ phép.

Thầy gật đầu:

- Phải lắm. Còn nếu cho rằng, chữ *Lễ* ở đây chỉ nhằm bảo người ta phải giữ phép tắc ở bề ngoài thì đơn giản quá. Vì thế mà kinh *Lễ* có câu: *Phàm nhân chi sở vi nhân giả, lễ nghĩa giả* 凡人之所爲仁者礼義也. Tức: “Phàm ở đời, những ai đó mà để lại được chút ít nhân đức là do họ có lễ nghĩa vậy”.

Nhân đó cậu Cung thưa tiếp:

- Như thế có phải ý câu sách muốn nói: Kẻ môn đệ đến thụ nghiệp, trước hết là để học cách làm người.

Thầy Quỳnh bước lại gần, toan xoa tay lên đầu cậu học trò mới nhập môn của mình mà khen. Nhưng nghĩ sao, thầy lại không làm thế. Thầy nở một nụ cười âu yếm và nói:

- Con là một học trò sớm biết suy nghĩ, khá lắm.

Cùng với các môn sinh gần xa, theo học tại đây còn có Trông và Mộng là hai người con trai của thầy Quỳnh (Trông, tên thật là Hoàng Phan Kính, Mộng là Hoàng Phan Soạn, về sau họ đều trưởng thành). Buổi ấy thầy

kiểm tra việc học thuộc lòng của các trò. Theo đề ra, mỗi trò phải đọc trâm một đoạn trong sách *Mạnh Tử*. Trước tiên, thầy gọi các con của mình, nhưng cả hai đều không thuộc. Sầu cái lắc đầu buồn bã, thầy gọi đến người học trò mới là Nguyễn Sinh Cung. Cung đứng lên với tư thế điềm tĩnh và đọc thuộc bài học một cách suôn chảy. Thầy gật đầu và lấy lại nụ cười rồi toan có lời khen thì liền được nghe thêm một câu hỏi của Cung:

- Thưa thầy, sách *Mạnh Tử* dạy rằng, làm điều lành thì được trả điều lành, làm điều ác thì tất phải chịu điều ác. Nếu chưa thấy như vậy là do thời gian chưa đến. Thế tại sao những người nghèo khó cứ lo làm điều lành nhưng thấy họ có được đền đáp gì đâu?

Là một vị Cử nhân, đã từng làm tri huyện, rồi về sống nhiều năm trong nghề dạy học, thầy giáo Hoàng Phan Quỳnh chưa bao giờ được nghe một câu hỏi như vậy ở một cậu học trò mới hơn mười tuổi. Thầy vui vẻ trả lời:

- Những điều mà người đời được hay mất, có cái ta nhìn thấy nhưng cũng có cái mắt thường không nhận ra. Mà điều lành, điều phúc lớn nhất của con người là có được sự yên ổn và thanh thản trong cuộc sống. Bởi thế

nên sách *Luận ngữ* dạy: *Kiến thiện như bất cập, kiến bất thiện như thám thanh*. 見善如不及, 見不善如探清. Nghĩa là: “Thấy điều thiện thì phải cố làm vì tưởng như không bao giờ kịp; Còn thấy điều ác thì phải sợ hãi như thò tay vào nước sôi”. Sách đó cũng chỉ rõ: *Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác*.

君子成人之美不成人之惡 . Tức: “Quân tử làm điều lành cho người khác, không làm điều ác cho người khác”.

- Dạ, thầy nói nhiều đến người quân tử. Có phải đối lập với quân tử là tiểu nhân. Sự khác biệt về hai hạng người đó là như thế nào?

Trong sách *Luận ngữ*, đức Khổng Tử phân biệt khá rõ. Điều cơ bản ở đây là: *Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi* 君子 諭 於 義, 小人 諭 於 利 (Người quân tử hiểu rõ ở điều nghĩa, kẻ tiểu nhân hiểu rõ ở điều lợi). Cho nên : *Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt*:

君子上達, 小人下達 (Quân tử đạt về cái lý cao minh, tiểu nhân đạt ở cái lý đê hạ). Từ các ví dụ đó dẫn đến trạng thái tinh thần : *Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái* 君子泰而不驕, 小人驕而不泰 (người quân tử thư thái mà không kiêu căng, kẻ tiểu nhân kiêu căng mà không thư thái).

Thầy nói thêm:

- Người quân tử dù nghèo mà có được những cái đó cũng quý hơn bất cứ ai giàu sang về của cải mà trong lòng luôn luôn phải lo sợ, day dứt.

Cậu Cung lại hỏi:

- Nhưng thưa thầy, là kẻ nghèo khó thì làm gì có được sự thư thái?

Thầy trả lời:

- Như thế thì người nghèo phải tự hỏi, vì sao mà mình lại ở trong cảnh không đủ ăn, không đủ mặc rồi tự trả lời câu hỏi đó bằng trí tuệ và sức lực của bản thân. Có phải không, vậy thì điều mà họ phải tự hỏi đó là gì, ai biết?

Bằng cách vừa giải thích vừa nêu vấn đề như thế, thầy Quỳnh đã có một cách gợi mở rất khéo. Cậu Cung cúi xuống cầm bút một lúc rồi giơ cao trang vở của mình với hai chữ viết: *Cần* 勤 và *Kiệm* 俭. Thuở ấy, các lớp học chữ Hán không dùng bảng đen nên cả thầy và học trò khi ở xa nhau mà cần trình bày về chữ viết thì phải làm như thế. Hai chữ mà Cung vừa đưa lên đều nhiều nét, khó viết nhưng cậu đã thể hiện một cách rõ ràng, tinh tế. Thầy mỉm cười với lời khen:

- Hay lắm. Chính siêng năng và tiết kiệm sẽ tạo ra của cải để không còn nghèo khó và đó cũng là cách tích cực đầu tiên trong việc *làm điều lành*. Vì sách xưa đã dạy *Nhàn cư vi bất thiện* 閒居為不善 . Tức ở rồi thì dễ dẫn đến những hành vi không lành mạnh. Mà đã ham ở rồi thì không phải là người quân tử. Rồi cậu Cung cũng đã tự tìm được một câu trong sách Luận ngữ để nói thêm với các bạn: *Quân tử thản dãng dãng, tiểu nhân trường thích thích* 君子坦蕩蕩 小人腸刺刺 . Tức: “Người quân tử bao giờ trong lòng cũng phẳng lòng rộng còn kẻ tiểu nhân thì bụng luôn luôn phải lo ngay ngáy”.

Thầy giáo Quỳnh muốn lớp học của mình có nhiều những học trò như Nguyễn Sinh Cung. Thầy đã đến nhà bàn với cụ Kép cho Cung ở lại học tại nhà trọ của thầy dưới Hữu Biệt để Trông và Mộng có bạn mà đùa đòi. Thầy nói:

- Thưa bác, các nhà nho thì thường không trực tiếp dạy con của mình nhưng hai cháu Trông và Mộng của tôi học không được siêng nên tôi muốn tự kèm cặp chúng một thời gian. Tuy nhiên, để hạn chế sự quá đà trong các thú vui, chúng cần có bạn tốt. Tôi muốn nuôi cơm bé Cung để anh em chúng nó cùng học, cùng chơi với nhau.

Bà ngoại không muốn rời cháu của mình trong những buổi đêm nhưng được nương nhờ vào ông Cử Quỳnh thì cụ cũng an tâm nên đã đồng ý và cậu Cung cũng nhận lời.

Trông và Mộng bấy lâu chăm bắt cá, bấy chim nhiều hơn là lo chuyện học. Cậu Cung thì khác, khi được chơi thì cậu chơi thả sức, còn đã học thì học chăm chú, say mê. Từ bữa có Cung ở bên cạnh, Trông và Mộng học ngày một tấn tới. Thầy Cử Hoàng mừng lắm, ngày càng phấn chấn trong việc dạy bảo học trò. Nhưng các bạn trẻ chỉ sát cánh bên nhau được một thời gian vì hoàn cảnh của Cung lúc bấy giờ gặp nhiều khó khăn. Thân phụ sau một thời gian lận đận với các kỳ thi Hội, nay lại phải trở vào Kinh tiếp tục ứng thí. Rồi ông đỗ Phó bảng và theo yêu cầu của bà con làng Sen, ông phải chuyển cư về ở trên đó nên cậu Cung phải tạm xa bà ngoại, xa các bạn trẻ làng Chùa và xa lớp học của thầy Hoàng Phan Quỳnh.

\*

\*   \*

Về làng Sen, cậu Cung đến học với Cử nhân Vương Thúc Quý, con trai của Tú tài Vương Thúc Mậu vốn quê làng Chùa sau chuyển lên làng Sen. Thuở bấy giờ huyện Nam Đàn nổi lên bốn người học giỏi được tôn là

*Nam Đàn Tứ hổ* 南壇四虎. Trong đó có *Thông minh bất như Quý* 通明不如貴, tức là không ai thông minh được như ông Vương Thúc Quý.

Hồi vua Hàm Nghi ngự giá ra Sơn phòng sứ thuộc làng Phú Gia, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xuống chiếu Cần vương chống Pháp lần thứ hai (Tháng 9-1885), cụ Tú Mậu vào yết kiến, nhận chức phong Bang biện quân vụ rồi về dựng cờ khởi nghĩa ở Rú Chung ngay trên đất làng Hoàng Trù, tức quê ngoại của cậu Cung. Và trong một cuộc chiến đấu không cân sức, cụ đã hy sinh tại làng Sen. Để nuôi chí trả thù cho cha và đền nợ nước, ông Quý ra sức học tập thi đỗ Cử nhân rồi về mở lớp dạy học và giúp đỡ Phan Bội Châu trong công cuộc vận động cách mạng.

Không chỉ riêng trí thông minh, thầy Vương Thúc Quý còn có một phần nổi tiếng khác. Thầy viết chữ rất tốt. (người Nghệ trước đây không gọi chữ đẹp mà nói là chữ tốt). Đó cũng là điều hấp dẫn đầu tiên đối với Nguyễn Sinh Cung khi cậu bước đến lớp học này. Mỗi khi thầy Quý cầm bút viết, cậu đứng nhìn đến ngây người. Về nhà, cậu hỏi bố, và một cuộc đối đáp thân tình đã diễn ra:

- Đi học mà viết được chữ tốt thì cũng thích bố nhỉ?
- Phải rồi.
- Làm thế nào để có chữ tốt?
- Phải luyện tập.

- Thế có phải những người học nhiều, đỗ cao đều viết chữ tốt?

- Nói chung là họ đều viết đúng và viết rõ, gọi là đạt được sự chân phương. Còn mức độ tốt, xấu thì mỗi người một khác.

- Nhưng có được cách viết cả đúng, cả tốt thì vẫn hơn.

- Ai cũng muốn thế nhưng có viết tốt được hay không là còn nhờ ở cái gân tay hay hoa tay, cũng là cái tài cầm bút. Cho nên, nếu không có được cái duyên chữ tốt thì viết cho thật chân phương và tinh tế cũng là được rồi.

- Con sẽ cố gắng để có được cả hai.

- Ông Sắc mỉm cười. Ông vui vì sự quyết tâm của con trai và mừng là cậu đã gặp thêm một thầy giáo nổi tiếng về thông minh và viết chữ đẹp.

Đến lớp, Cung học rất chăm chú. Khi nghe giảng, chỗ nào chưa rõ, nếu không kịp hỏi lại thầy thì cậu nhờ các anh có sức học cao hơn giải thích hộ. Những lúc thầy viết, cậu chăm chú nhìn từ cách thầy cầm bút đến cách chấm phá, hất lên hay kéo dài ở từng nét chữ. Rồi hễ có lúc rỗi là cậu tự tập viết một mình, không đủ giấy mực thì lấy que vạch lên nền đất hoặc lấy ngón tay nọ vẽ lên lòng bàn tay kia. Cung nhận ra, tập viết cũng là

một cách học thuộc lòng kể cả các chữ khó nên hề nhìn thấy chữ mới là cậu nhăm nhăm học thuộc và tập viết trâm, viết sao cho thật đúng rồi lại trau cho đẹp. Việc đó đã trở thành thói quen của người học trò mười hai tuổi này. Vì thế người ta khó mà đoán được sức học của cậu.

Trong lớp học đó, cậu Cung là người nhỏ hơn nên được bố trí cho ngồi ở phía trước, gần kề với bàn thờ cụ Vương Thúc Mậu. Vào những ngày Mùng một hay Rằm của mỗi tháng, thầy Quý thường tự tay đốt đèn, thắp hương dâng lên linh sàng của thân phụ rồi mới bắt đầu dạy học. Thuở đó các cây đèn gồm một đĩa dầu hạt được đốt cháy bằng sợi bấc đặt trên nột chiếc cộc. Cộc đèn làm bằng gỗ hay đồng, có đế, có tán vừa đẹp vừa nâng cao được ngọn lửa và khó bị hắt đổ. Có hôm, một học trò đốt đèn để thầy thắp nhang, làm nghiêng chiếc cộc khiến mấy giọt dầu rắc lên đế đèn. Khi việc dâng hương đã xong, thầy ra câu đối: *Thắp đèn lên dầu vương ra đế*. Cả lớp thi nhau tìm câu đáp. Sau mấy phút yên lặng qua đi, một bạn đọc: *Đốt nhang rồi, gió quạt tàn bay*. Thầy bảo: “Lời đáp như thế là tự nhiên nhưng có sự trùng lặp về ý vì *Thắp đèn* với *Đốt nhang*, hai hiện tượng ấy cùng có lửa, có khói, gần giống nhau, như vậy là thiếu hấp dẫn trong cách đối ngẫu. Còn mấy chữ *Gió quạt tàn bay* thì cái ý không được mạnh, nó chỉ

một cái gì mất mát, tiêu tan. Lại một khoảnh khắc im lặng khác, lâu hơn. Rồi bỗng có tiếng đáp như reo: *Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường*. Đó là tiếng của cậu Cung. Tấn đây vừa chỉ sự tiến lên như tấn công tức tiến đuổi quân địch vừa chỉ nhà Tấn bên nước Trung Hoa ngày xưa. Cũng như vậy, Đường ở đây vừa chỉ đường đi vừa chỉ nhà Đường. Lịch sử Trung Quốc từ thời nhà Tấn đến thời nhà Đường là một quá trình tiến lên của bốn, năm thế kỷ. *Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường*, cách đối tự nhiên, lời đối thanh thoát và ý thật hàm súc. Thầy Quý nghe xong rồi cười, ra chiều cảm khoái. Thầy nhắc lại: “*Thẳng Tấn lên Đường*, được, được, văn có thần và nghe ra khí thế lắm”.

Vào một buổi học khác, Cung hỏi:

- Thưa thầy, người ta bảo, đã đi học là phải biết về Tứ thư, Ngũ kinh. Vậy các bộ sách đó gồm những quyển nào?

Thầy giáo Quý thấy với lứa tuổi như trò Cung, cũng có thể cho họ biết một cách có hệ thống về tên các kinh điển của Thánh Hiền. Thầy nói:

- Nếu theo cho đến cùng của việc học thì các con sẽ biết là Tứ thư gồm bốn cuốn sách sau đây:

\* *Đại Học* 大學: là sách do Tăng Sâm (thường gọi là Tăng Tử) học trò của đức Khổng Tử soạn trên cơ sở

những lời giảng giải của thầy học mình. Nội dung là tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Tức là một con người trước tiên phải biết lo sửa mình, rồi làm tròn việc nhà sau đó góp sức trị nước là giữ yên thiên hạ.

\* *Trung Dung* 中 容 : do Tử Tư (tức Khổng Cấp là cháu và cũng là học trò của đức Khổng Tử) soạn. Sách này nói về cái nghĩa chấp trung của Thánh Hiền ngày xưa, tức dạy con người phải giữ cho được lòng trung chính, không thái quá mà cũng không bất cập.

\* *Luận Ngữ* 論 語 : sách này ghi lại những cuộc trò chuyện, trao đổi trực tiếp giữa đức Khổng Tử và các học trò của ngài. Sách có 20 thiên. Có lẽ toàn bộ các giáo huấn của Đức thánh được gói gọn trong sách này nên đối với học trò như các con, nó là quyển quan trọng nhất trong các sách Nho.

\* *Mạnh Tử* 孟 子 : Tên sách cũng là tên của người soạn ra nó. Mạnh Tử tức Mạnh Kha là học trò của Khổng Cấp . Lúc đã về già, Mạnh Tử cùng một số môn đệ tập hợp những điều mình đã giảng thuyết thành quyển sách đó. Nó gồm có bảy thiên. Với sách này, thầy Mạnh đã phát triển thêm về học thuyết của Khổng Tử. Nhiều chỗ ngài đã đưa những điều Đức thánh nói trong *Luận ngữ* mà bình giảng để cho học trò mình càng sáng tỏ. Vì thế các sách về đạo Nho được khép vào trong hai tiếng *Khổng Mạnh* 孔 孟 . Học trò ngồi

nghe im phăng phắc. Cung chưa học được mấy chữ nghĩa nhưng đã ghi chép rất chăm chú. Thầy nhấp thêm một ngụm trà rồi giảng tiếp:

Đó là khái quát về Tứ thư. Còn ngũ Ngũ kinh thì gồm:

\* *Dịch* 易, Bộ sách dạy những điều từ sơ đẳng đến uyên thâm về tượng số, lý học, có chỗ được trình bày dưới dạng trừu tượng, đòi hỏi người học phải có một sự nhận biết bằng kiến thức siêu đẳng. Sách dạy ở trình độ cao như thế nhưng tên nó được nhắc đến đầu tiên trong số Ngũ kinh vì trước hết, nó giải thích về cách, vật, trí, tri để khai mông (tức xóa cái ngu tối) cho con người. Thực ra đó là bộ sách triết học rất xưa và cũng là rất uyên bác của nước Tàu. Các con cứ lo học đi cho khá về vốn hiểu biết để mà đón nhận kinh *Dịch*.

\* *Thi* 詩: là bộ sách ghi chép các câu ca dao, dân ca từ đời thượng cổ cho đến thời nhà Chu.

\* *Thư* 書: là sách chép những Điển, Mô, Huấn, Cáo, Thệ, Mệnh của các vua chúa đời trước.

\* *Lễ* 禮: Bộ sách chép những lễ nghi, phép tắc để gìn giữ trật tự xã hội và tiết chế cá dục vọng không chính đáng của con người. Trong bộ kinh này có thiên *Nhạc Ký*. Nó vốn là kinh *Nhạc* trước kia nhưng rồi bị tản mát, chỉ còn một ít nên người ta chép chung vào đây.

\* *Xuân Thu* 春秋: Là bộ sách do đức Khổng Tử viết về lịch sử nước Lỗ và lịch sử nước Chu.

Cử nhân Vương Vương thúc Quý vừa tạm dứt mạch giảng giải thì có học trò đứng lên:

- Thưa thầy về kinh truyện, ngoài các quyển đó còn có những sách nào khác?

- Nếu hỏi đến Tứ Thư và Ngũ Kinh thì cả thầy có bấy nhiêu. Nhưng ngoài ra, còn có rất nhiều sách khác. Vì sau Đức thánh là có các bậc Nho hiền. Riêng đức Khổng Tử, ngài đi chu du rất nhiều nước trên đất Trung Hoa thuở ấy và có hơn ba ngàn học trò giỏi trong đó bảy mươi hai người là nổi tiếng, tức Thất thập nhị hiền 七十二贤. Nhưng nói về sách kinh điển thì còn có *Đạo Đức Kinh* 道德經 của Lão Tử 老子 và *Nam Hoa Kinh* 南華經 của Trang Tử 莊子.

- Thưa thầy, chắc các vị Lão Tử và Trang Tử thuộc lớp người sau nên các sách của họ không được xếp vào Ngũ Kinh? – Một học trò khác hỏi và được trả lời:

- Cũng không phải vì thế. Lão Tử và Khổng Tử cùng sống vào thời nhà Chu. Khổng Tử sinh năm 551 và mất năm 479 Trước Thiên chúa giáng sinh. Lão Tử sống vào khoảng mấy chục năm trước Khổng Tử. Lão Tử là tổ sư của Đạo giáo; Khổng Tử là tổ sư của Nho giáo. Về giáo lý của họ, các trò sẽ hiểu nếu chịu khó

học. Còn Trang Tử thì sinh sau hơn nhiều. Ông sống vào thời Chiến Quốc (khoảng thế kỷ IV trước Thiên chúa giáng sinh). Về triết lý, ông chủ trương giống như Lão Tử nên mới có chung một học thuyết là học thuyết Lão- Trang. Cũng như các học thuyết nói trên, các trò sẽ hiểu sâu nếu bền chí học tập.

Thế là về các kinh điển, thầy Quý đã trình bày rất rõ ràng, mạch lạc. Học trò không chỉ chăm chú ngồi nghe mà ai cũng thấy lời thầy giảng thật dễ nhớ. Đồng thời, thầy đã vạch ra trước mắt mọi người một con đường học vấn lý thú, sáng tươi nhưng cũng thật thâm thẳm, gian lao. Tuy còn nhỏ tuổi và chưa có bao nhiêu thời gian tiếp cận với sách đèn nhưng cậu Cung cũng ý thức được điều đó. Chả trách mà người ta bảo là Rừng Nho bể Thánh, cậu nghĩ vậy. Còn trước mắt, cứ nói đến việc học là những điều cần được giải đáp lại cứ hiện ra trong đầu của Cung. Vào một buổi học khác, cậu hỏi thầy:

- Bà con trong các làng nhiều người sợ ma cho nên họ hay thờ quỷ thần. Vậy thưa thầy, có thật là có ma quỷ hay không?

Thầy đáp:

- Đức thánh Khổng Tử sống cách chúng ta đến gần hai ngàn rưỡi năm. Vào thuở ấy, thế gian phải tôn kính

quỷ thân hơn con người. Họ cho rằng sống ở trên đời chỉ là sống gửi còn thác xuống âm phủ mới là về. Thế mà khi có người nói đến việc thờ quỷ thân thì Đức thánh bảo: *Vị năng sự nhân, an năng sự quỷ* 未能事

人安能事鬼. Nghĩa là: “Chưa thờ được người, thờ thế nào được quỷ thân”. Lại có người hỏi: Khi chết rồi thì con người ta thế nào? Đức thánh đáp: *Vị tri sinh, an tri tử* 未知生安知死. Tức: “Chưa biết được việc sống, biết thế nào được việc chết”. Vào thời ấy trong xã hội Trung Hoa có rất nhiều trường phái tư tưởng. Triết học và thần học lẫn lộn. Các nhà hùng biện tranh nhau đi làm thuyết khách. Tầng lớp thống trị thì lấy việc chinh phạt làm cứu cánh mà Khổng Tử dám nói lên như vậy, ta thấy ngài dũng cảm biết bao nhiêu. Điều đó ảnh hưởng rất nhiều đến các môn đồ. Về sau, Trình Tử sống vào thời nhà Tống (thế kỷ V) mới nói thêm rằng: “Nếu biết được đạo sống thì cũng biết được đạo chết. Thờ người hết lòng chính là thờ quỷ thân”. Không thể tránh được những điều bất cập nhưng lúc bấy giờ đạo của đức Khổng Tử cũng là đạo Nho đã nói lên cái chủ đích sống rất cần thiết của con người và cũng vừa nói lên được cái lẽ biến thiên của tạo hóa.

Cứ như thế, suốt trong những tháng ngày theo học với thầy Quý, Cung luôn luôn được nghe thầy giảng về

đạo làm người. Cậu thích nhất là những lời thầy dẫn từ sách Mạnh Tử :

\* *Thuấn hà nhân giã, dư hà nhân giã, hữu vi giả nhưc thị* 舜何人也,予何人也,有為者若是 :

“Vua Thuấn là người nào, ta là người nào, ai mà theo đạo thì cũng thế cả”. Quyền hành đạo hay nghĩa vụ hành đạo là điều không phân biệt giữa vua chúa với thường dân. Phẩm giá làm người là ở chỗ sống có đạo lý hay không. Thầy cũng dẫn lời của sách mà dạy:

\* *Nhân chi hữu đạo giã, bão thực, noãn y, dật cư nhi vô giáo, tắc cận ư cầm thú* 人之有道者,飽食,暖衣,

逸居而無教則近於禽獸 : “Người tuy có đạo lý nhưng cứ ăn no, mặc ấm rồi ngồi mà không dạy bảo thì cũng gần như là cầm thú”. Như vậy là đạo phải được thể hiện qua ứng xử, hành động vì con người. Giáo lý của đạo Nho qua Khổng Mạnh là rất nhân bản, luôn lấy con người làm đối tượng để bàn luận. Và con người phải gắn với vũ trụ, phải hành động vì lẽ phải.

Trò Cung nhận ra thầy Quý hết sức lo bồi đắp phân trí dũng cho từng môn sinh. Thầy thường nói con người đã có *Trí*, có *Dũng* thì cũng dễ thực hiện chữ *Liêm*. Và *Trí* cũng là cái gốc xui con người có *Dũng*. Thầy dẫn lời Đức thánh mà dạy: *Tam quân khả đoạt sủng giã, sát*

*phu bất khả đoạt trí giã* 三军可夺帅也,匹夫不可

夺智也 : “Một vị tướng chỉ huy ba quân người ta còn có thể bắt được, chứ cái trí của một kẻ bình thường thì không ai đoạt nổi”.

Từ ngày bước đến cửa Khổng, sân Trình ở các lớp học của thầy Quỳnh, thầy Quý... qua thời gian theo đòi bút nghiên, cậu học trò Nguyễn Sinh Cung tự thấy mình được lớn lên từng ngày. Nhưng rồi cũng như tại Hữu Biệt, nơi làng Sen này, Cung và các bạn của mình không được tiếp tục học với thầy Quý nữa. Thầy vẫn sống theo cái đạo mà mình hằng giáo huấn cho học trò nhưng nay do sự giục giã khẩn thiết của núi sông, sự hoạt động của thầy phải chuyển sang một bước ngoặt mới.

Đây là khi ông Phan Bội Châu tức Giải nguyên Phan Văn San sau một thời gian ra Bắc, vào Nam tìm hiểu vận động thì đã đến lúc ông phải đứng ra lập hội rồi lo việc xuất dương, mong để đòi lại độc lập cho dân tộc. Ông Phan là bạn thân thiết của thầy Vương Thúc Quý. Ông nổi tiếng trong *Nam Đàn tứ hổ* (*Uyên bác bất như San*: 渊博不如珊 : không ai biết nhiều, hiểu sâu được như Phan Văn San). Công việc do ông Phan chủ trương rất cần có những bạn đồng tâm như vậy giúp đỡ. Cho nên thầy Quý không còn thời gian để dạy học. Cậu